

Số: 144/2022/QĐST-DS

G, ngày 22 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:68/2022/TLST – DS ngày 04 tháng 10 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà C, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện G , thành phố Hà Nội

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện G , Thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà H2, sinh năm 1963
- Bà N, sinh năm 1963
- Ông C2 (tức C2), sinh năm 1945
- Chị H3, sinh năm 1982

Người đại diện theo ủy quyền của ông C2 và chị H3 là bà C

- Bà Y, sinh năm 1959
- Anh P sinh năm 1984
- Chị T, sinh năm 1989

- Cháu L, sinh năm 2013
- Cháu C3, sinh năm 2015

Người đại diện theo pháp luật của cháu L và cháu C3 là anh P và chị T (là bố mẹ đẻ của các cháu)

- Anh V, sinh năm 1989
- Chị M, sinh năm 1992
- Cháu M2, sinh năm 2019

Người đại diện theo pháp luật của cháu M2 là anh V và chị M (là bố mẹ đẻ của cháu).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống gia đình và hàng thừa kế:

Cụ P2, sinh năm 1927, đã chết năm 1997 có vợ duy nhất là cụ T2, sinh năm 1928, đã chết năm 1978. Cụ P2 và cụ T1 sinh được 04 người con đẻ gồm: bà C, sinh năm 1951; ông H, sinh năm 1959; bà H2, sinh năm 1963; bà N, sinh năm 1963. Cụ P2 và cụ T1 là vợ chồng duy nhất của nhau. Ngoài ra cụ P2 và cụ T1 không có con nuôi hoặc con riêng nào khác.

2.2. Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của cụ P2 và cụ T1 để lại gồm 01 thửa đất thổ cư, 01 thửa đất ao và 01 thửa đất vườn, cụ thể như sau:

- Đối với đất thổ cư: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 35, diện tích 406m² (diện tích đất đo thực tế là 430m²); địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn, mái ngói 05 gian do các cụ xây, nay đã phá 01 gian còn lại 04 gian và 01 nhà bếp một tầng, mái lợp ngói brô-xi măng do các cụ để lại.

- Đối với đất vườn: Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 35, diện tích 514m²; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đối với đất ao: Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35, diện tích 404m²; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đối với đất vườn thuộc Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội và đất ao thuộc Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội có tổng diện tích đất đo thực tế là 850,1m².

2.3. Về sự thoả thuận phân chia di sản thừa kế:

2.3.1. Các đương sự thống nhất thỏa thuận bà C được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất bao gồm đất ao và đất vườn là: 320m² được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,10',24,1 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 34 và Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.3.2. Do bà H2 và bà N là những người cùng hàng thừa kế thứ nhất với ông H tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật cho ông H nên đối với phần diện tích đất ao và đất vườn còn lại là 530,1m² được giới hạn bởi các điểm: 10',11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,24',10' cùng toàn bộ tài

sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 34 và Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội do ông H được toàn quyền quản lý, sử dụng.

2.3.3. Đối với diện tích đất thổ cư của cụ P2, cụ T1 để lại đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 251287 ngày 25/5/2005 mang tên ông H và bà Y đến nay không có tranh chấp gì, các đương sự cùng nhất trí để ông H, bà Y sử dụng, nên ông H và bà Y được tiếp tục toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 35, diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 406m² (diện tích đất đo thực tế là 430m²) được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1. Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.3.4. Xác nhận ngày 14 tháng 11 năm 2022 các đương sự trong vụ án đã bàn giao cho bà C được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất bao gồm đất ao và đất vườn là: 320m² được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,10',24,1 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 34 và Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.3.5. Xác nhận ngày 14 tháng 11 năm 2022 các đương sự trong vụ án đã bàn giao cho ông H được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất ao và đất vườn còn lại là: 530,1m² được giới hạn bởi các điểm: 10',11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,24',10' cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 34 và Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.3.6. Xác nhận ngày 14 tháng 11 năm 2022 các đương sự trong vụ án đã bàn giao cho ông H và bà Y được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 35, diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 406m² (diện tích đất đo thực tế là 430m²) được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1. Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 251287 ngày 25/5/2005 mang tên ông H và bà Y.

(Có sơ đồ kèm theo Quyết định này và Biên bản bàn giao mốc giới ngày 14/11/2022)

2.3.7 Về đăng ký quyền sử dụng đất:

Bà C có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên riêng mình bà C đối với diện tích đất ao và đất vườn là: 320m² được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,10',24,1 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 34 và Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

Ông H có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên riêng mình ông H đối với diện tích đất ao và đất vườn là: 530,1m² được giới hạn bởi các điểm: 10',11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,24',10' cùng toàn bộ tài sản gắn liền

với đất thuộc Thửa đất số 34 và Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

Ông H và bà Y có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất diện tích đất thổ cư đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 251287 ngày 25/5/2005 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 35, diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 406m² (diện tích đất đo thực tế là 430m²) được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1. Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Q, huyện G, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/5/2005 mang tên ông H và bà Y.

3. Về án phí:

Bà C, ông H, bà Y đã trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự.

4. Quyết định về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện G ;
- Chi cục THA DS huyện G ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn